

BIỂU PHÍ
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHO VAY DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(áp dụng từ ngày 15/07/2025)

| STT | Dịch vụ | Tỷ lệ phí | Tối thiểu (đơn vị: đồng) | Tối đa (đơn vị: đồng) | Cách thu | Ghi chú |
|-------|---|-----------|--------------------------------|-----------------------------|---|--|
| I | PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN | | | | Thu ngay tại thời điểm trả nợ trước hạn (TNTH). | Miễn phí TNTH trong trường hợp VCB yêu cầu khách hàng (KH) TNTH do KH vi phạm các nghĩa vụ tại hợp đồng cho vay ký giữa VCB và KH; |
| 1 | Trường hợp KH sử dụng nguồn tiền từ việc đi vay Tổ chức tín dụng (TCTD) khác để TNTH | | | | | |
| 1.1 | <u>Đối với các khoản vay ngắn hạn</u> | | | | | |
| 1.1.1 | Thời gian vay thực tế nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ | 1,5% | 100.000 | | | |
| 1.1.2 | Thời gian vay thực tế lớn hơn 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ | Miễn phí | | | | |
| 1.2 | <u>Đối với các khoản vay trung hạn</u> | | | | | |
| 1.2.1 | Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 3% | 100.000 | | | |
| 1.2.2 | Trong năm thứ 4 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 1,5% | 100.000 | | | |
| 1.2.3 | Từ năm thứ 5 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên | Miễn phí | | | | |
| 1.3 | <u>Đối với các khoản vay dài hạn</u> | | | | | |
| 1.3.1 | Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 3% | 100.000 | | | |
| 1.3.2 | Từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 1,5% | 100.000 | | | |
| 1.3.3 | Từ năm thứ 6 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên | Miễn phí | | | | |
| 2 | Trường hợp KH sử dụng nguồn tiền khác (không phải là nguồn tiền từ việc đi vay TCTD khác) để TNTH | | | | | |
| 2.1 | <u>Đối với các khoản vay ngắn hạn</u> | | | | | |

| STT | Dịch vụ | Tỷ lệ phí | Tối thiểu (đơn vị: đồng) | Tối đa (đơn vị: đồng) | Cách thu | Ghi chú |
|-------|---|-----------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--|
| 2.1.1 | Thời gian vay thực tế nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ | 1% | 100.000 | | | Không thu phí tối thiểu trường hợp tỷ lệ phí sau khi áp dụng thẩm quyền giảm trừ là 0% |
| 2.1.2 | Thời gian vay thực tế lớn hơn 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ | Miễn phí | | | | |
| 2.2 | <u>Đối với các khoản vay trung hạn</u> | | | | | |
| 2.2.1 | Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 2% | 100.000 | | | |
| 2.2.2 | Trong năm thứ 4 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 1% | 100.000 | | | |
| 2.2.3 | Từ năm thứ 5 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên | Miễn phí | | | | |
| 2.3 | <u>Đối với các khoản vay dài hạn</u> | | | | | |
| 2.3.1 | Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 2% | 100.000 | | | |
| 2.3.2 | Từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày giải ngân đầu tiên | 1% | 100.000 | | | |
| 2.3.3 | Từ năm thứ 6 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên | Miễn phí | | | | |
| 3 | Phí TNTH trong ngày theo từng khoản nhận nợ | | 200.000 | | | Thu phí trong trường hợp cho vay theo các sản phẩm vay cầm cố giấy tờ có giá |
| II | PHÍ DỊCH VỤ KHÁC | | | | | |
| 1 | Phí liên quan đến tài sản bảo đảm | | | | | |
| 1.1 | <u>Thay đổi tài sản bảo đảm</u> | | | | Thu trước khi làm thủ tục đổi TSBĐ | |
| 1.1.1 | Tài sản mới là GTCG do VCB phát hành | Miễn phí | | | | |
| 1.1.2 | Tài sản khác | | 200.000/lần | | | |
| 1.2 | <u>Mượn hồ sơ tài sản bảo đảm</u> | | 200.000/lần | | Thu trước khi làm thủ tục cho | Bao gồm trường hợp KH phải xuất hồ sơ TSBĐ để phục vụ |

| STT | Dịch vụ | Tỷ lệ phí | Tối thiểu (đơn vị: đồng) | Tối đa (đơn vị: đồng) | Cách thu | Ghi chú |
|-----|--|-----------|--------------------------------|-----------------------------|--|---|
| | | | | | mượn hồ sơ TSBĐ | cho công chứng/chứng thực/cấp bản sao hồ sơ tài sản bảo đảm... |
| 2 | Cấp xác nhận thông tin chi tiết khoản vay (dư nợ, lịch sử trả nợ khoản vay...) | | 100.000/yêu cầu | | Thu trước khi cấp xác nhận cho KH | |

Lưu ý:

- Phí trả nợ trước hạn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Các phí dịch vụ khác đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Các quy định khác theo quy định của Vietcombank và Pháp luật trong từng thời kỳ.